

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	11
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102659313 đăng ký lần đầu ngày 29/2/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/5/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứng khoán số 082/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 17/03/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo giấy phép hoạt động: 329.999.800.000 VND

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tên tiếng anh: Hoa Binh Securities JSC

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Nghành nghề kinh doanh

Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Đình Dương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/8/2023
		Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 5/7/2023
		Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 3/8/2023
Ông	Trịnh Thanh Giảng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 03/8/2023
		Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 5/7/2023
Ông	Lê Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 5/7/2023
Ông	Lê Xuân Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2023
Ông	Ngô Quốc Hùng	Thành viên	
Ông	Nguyễn Anh Đức	Thành viên	
Bà	Trần Mỹ Linh	Thành viên	
Ông	Blaha Reiko	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Hữu Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 5/7/2023
Bà	Phạm Thị Sen	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/6/2023
Ông	Đoàn Đức Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2023
Ông	Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2023
Ông	Nguyễn Bá Tuấn	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Đình Thế Lợi	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/7/2023
Ông	Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27/7/2023
		Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/7/2023
Ông	Lê Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/6/2023
Ông	Nguyễn Viết Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 6/1/2023
		Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 3/8/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)

Bà	Trần Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bế Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thu Dung	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Lê Đình Dương	Chủ tịch HĐQT
-----	---------------	---------------

Ông Đinh Thế Lợi là người được Ông Lê Đình Dương ủy quyền ký Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 theo quyết định số 38/2023/QĐ-HBS ngày 10/8/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong thời gian chờ cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép hoạt động từ các cơ quan có thẩm quyền.

3. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023.

4. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Đinh Thế Lợi
Tổng Giám đốc

Số: A0623066 - SX/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoà Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoà Bình, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Doanh nghiệp này đã đưa ra kết luận dạng chấp nhận toàn phần tại ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong thời gian chờ cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép hoạt động từ các cơ quan có thẩm quyền.

**Nguyễn Thị Phương****Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2019-005-1

Thay mặt và đại diện

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ
tín học MOORE AISC**

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B02g - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		359.623.373.702	350.709.296.988
I.	Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		358.623.656.802	348.750.733.147
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	37.146.744.240	41.565.148.405
1.1.	Tiền	111.1		1.646.744.240	5.935.438.816
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		35.500.000.000	35.629.709.589
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	4.834.464.800	3.646.810.020
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.2	303.985.000.000	296.000.000.000
4.	Các khoản phải thu	117	V.6	6.535.167.559	3.628.156.433
4.1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		6.535.167.559	3.628.156.433
4.1.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		6.535.167.559	3.628.156.433
6.	Trả trước cho người bán	118	V.7	50.272.500	700.000.000
7.	Các khoản phải thu khác	122	V.5	6.072.007.703	3.210.618.289
II.	Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 139)	130		999.716.900	1.958.563.841
1.	Tạm ứng	131		16.055.371	20.055.371
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.8a	920.108.927	1.737.496.127
3.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		60.716.019	60.716.019
4.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	V.18b	2.836.583	140.296.324
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		54.493.147.065	55.054.255.615
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		5.672.218.898	5.662.566.086
1.	Các khoản đầu tư	212	V.10	8.376.160.000	8.376.160.000
1.1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		2.940.000.000	2.940.000.000
1.2	Đầu tư dài hạn khác	212.4		5.436.160.000	5.436.160.000
2.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		(2.703.941.102)	(2.713.593.914)
II.	Tài sản cố định	220		4.114.731.887	5.029.025.489
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	58.968.000	70.761.600
	- Nguyên giá	222		18.431.251.607	18.431.251.607
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(18.372.283.607)	(18.360.490.007)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4.055.763.887	4.958.263.889
	- Nguyên giá	228		20.849.916.470	20.849.916.470
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(16.794.152.583)	(15.891.652.581)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.14	31.759.071.300	32.735.181.348
	- Nguyên giá	231		76.868.886.130	76.868.886.130
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		(45.109.814.830)	(44.133.704.782)
IV.	Tài sản dài hạn khác	250		12.947.124.980	11.627.482.692
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9	166.110.000	-
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.8b	1.443.681.485	52.618.241
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		957.847.066	1.195.378.022
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.15	10.379.486.429	10.379.486.429
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		414.116.520.767	405.763.552.603

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B02g - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		2.903.908.973	3.597.036.283
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		2.903.908.973	3.597.036.283
1.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.16	17.163.340	46.147.736
2.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.17	379.398.859	221.620.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18.a	1.255.257.761	1.634.435.657
4.	Phải trả người lao động	323		458.655.765	848.993.623
5.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		173.312.768	143.978.568
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.19	95.113.833	160.254.052
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		525.006.647	541.606.647
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		411.212.611.794	402.166.516.320
I.	Vốn chủ sở hữu	410		411.212.611.794	402.166.516.320
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	329.999.800.000	329.999.800.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		329.999.800.000	329.999.800.000
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		4.991.340.768	4.991.340.768
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		4.991.340.768	4.991.340.768
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		71.230.130.258	62.184.034.784
4.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		72.632.185.214	64.773.744.520
4.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(1.402.054.956)	(2.589.709.736)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		414.116.520.767	405.763.552.603

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.22	32.999.980	32.999.980
2.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.23	10.029.780.000	10.137.130.000
3.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.24	5.420.000.000	5.420.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư					
1.		021	V.25	414.288.020.000	419.329.190.000
1.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		414.146.020.000	419.282.190.000
1.2	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
1.3	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		142.000.000	47.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư					
2.		022	V.26	71.571.350.000	73.005.730.000
2.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		45.180.000	445.560.000
2.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		71.526.170.000	72.560.170.000
Tiền gửi của khách hàng					
5.		027	V.27	5.499.602.756	4.095.564.629
5.1	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027.1		5.499.602.756	4.095.564.629
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý					
6.		031	V.28	5.499.602.756	4.095.564.629
6.1	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		5.499.602.756	4.095.564.629

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đào Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Dung

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đình Thế Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B02 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VI.1	1.188.123.380	4.194.051.952
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	-	4.193.100.472
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		1.188.035.780	848.430
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.2	87.600	103.050
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.1.2	11.069.626.273	301.068.493
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.1.2	-	2.735.960.908
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.1.3	146.777.146	3.434.805.672
1.5 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.1.3	-	-
1.6 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.1.3	-	-
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.3	5.080.740.620	2.209.466.369
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	20		17.485.267.419	12.875.353.394
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		381.000	4.011.379.352
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	VI.1.1	-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2		381.000	4.011.379.352
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		-	-
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.3	2.397.852.681	3.606.816.212
2.4 Chi phí lưu ký chứng khoán	30	VI.4	127.204.887	134.643.786
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)	40		2.525.438.568	7.752.839.350
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.772.947.636	2.105.050.174
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)	50	VI.2	1.772.947.636	2.105.050.174
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54	VI.5	(9.652.812)	55.658.239
Cộng chi phí tài chính (50 = 51→55)	60		(9.652.812)	55.658.239

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B02 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.6	5.437.409.849	4.481.713.353
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		11.305.019.450	2.690.192.626
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.7	2.587.993	-
8.2 Chi phí khác	72	VI.8	10.000	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		2.577.993	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		11.307.597.443	2.690.192.626
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		10.119.942.663	6.700.723.548
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.187.654.780	(4.010.530.922)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VI.9	2.261.501.969	538.017.916
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		2.023.971.013	1.340.124.100
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		237.530.956	(802.106.184)
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		9.046.095.474	2.152.174.710
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.10	274	65
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.10	274	65

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Dung

Đình Thế Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Mẫu số B03a - CTCK

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(243.985.000.000)	(90.665.545.000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		236.000.000.000	101.842.080.000
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		-	(86.484.402)
4. Cổ tức đã nhận	04		588.680.483	103.050
5. Tiền lãi đã thu	05		9.931.779.995	4.838.476.836
6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(627.648.177)	(835.861.013)
7. Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.357.831.733)	(3.983.198.593)
8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(2.494.814.365)	(2.902.954.477)
9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		3.308.465.460	81.481.829.239
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(3.782.035.828)	(39.517.821.153)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(4.418.404.165)	50.170.624.487
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		(4.418.404.165)	50.170.624.487
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		41.565.148.405	181.341.528.856
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	61		5.935.438.816	29.341.528.856
Các khoản tương đương tiền	63		35.629.709.589	152.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70		37.146.744.240	231.512.153.343
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	71		1.646.744.240	1.512.153.343
Các khoản tương đương tiền	73		35.500.000.000	230.000.000.000

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		35.808.048.980	1.076.879.997.600
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(24.005.432.490)	(990.259.679.500)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(9.809.569.646)	(109.238.448.123)
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		-	978.479.468
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(589.008.717)	(978.479.468)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		1.404.038.127	(22.618.130.023)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		4.095.564.629	56.592.926.041
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		4.095.564.629	56.592.926.041
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		5.499.602.756	33.974.796.018
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		5.499.602.756	33.974.796.018

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đào Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Dung

Đinh Thế Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội!

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B04 - CTCK
(Ban hành theo TT số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ			Số tăng/giảm			Số dư cuối kỳ	
		01/01/2022	01/01/2023	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8

I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000	329.999.800.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
1.4. Quyền chọn chuyên đổi trái phiếu		-	-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.585.701.311	4.991.340.768	405.639.457	405.639.457	-	4.991.340.768	4.991.340.768	4.991.340.768
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.585.701.311	4.991.340.768	405.639.457	405.639.457	-	4.991.340.768	4.991.340.768	4.991.340.768
5. Chênh lệch danh giá lãi tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		58.337.744.036	62.184.034.784	2.152.174.710	1.014.098.642	9.046.476.474	59.475.820.104	71.230.130.258	72.632.185.214
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		54.942.883.660	64.773.744.520	6.162.705.632	1.014.098.642	7.858.440.694	60.091.490.650	72.632.185.214	(1.402.054.956)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3.394.860.376	(2.589.709.736)	(4.010.530.922)	-	1.188.035.780	(615.670.546)	(1.402.054.956)	411.212.611.794
Cộng		397.508.946.658	402.166.516.320	2.963.453.624	1.014.098.642	9.046.476.474	399.458.301.640	411.212.611.794	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Chữ ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Thu Dung

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH
 HOÀN KIẾM - TP HÀ NỘI
 TP Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

Đinh Thế Lợi

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102659313 đăng ký lần đầu ngày 29/2/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/5/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chứng khoán số 082/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 17/03/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Tên tiếng anh: Hoa Binh Securities JSC

Tên viết tắt: HBS

Mã chứng khoán: HBS

Trụ sở chính: Tầng 7-9 Tòa nhà 46-48 - Bà Triệu - P.Hàng Bài - Q.Hoàn Kiếm - Tp.Hà Nội

Điều lệ hoạt động Công ty ban hành ngày 21/12/2006 và bản thay thế gần nhất tháng 6/2023

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

4. Quy mô vốn Công ty: 329.999.800.000 VND

5. Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- (i) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

- (ii) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- (iii) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại mục (i), (ii) và (iii) nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có**7. Tổng số nhân viên tại 30/6/2023: 30 người (tại ngày 31/12/2022: 30 người).****8. Cấu trúc công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (01) công ty liên kết: Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ theo đăng ký	% sở hữu
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Số 246 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	200.000.000.000	1,49%

Tại 30/6/2023, Công ty có 01 (một) chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 45 Võ Thị Sáu - P. Đakao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ phải thu.

3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá tài sản tài chính.

3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính.

Công ty chỉ ghi nhận các tài sản tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty được phân loại thành các nhóm sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày thu mua, gồm: “Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (FVTPL)”, “Khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)”, “Cho vay và phải thu” và “Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)”.

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL phải được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

b) TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);

- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

c) TSTC sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC được phép phân loại sang các nhóm: FVTPL, HTM.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy được phản ánh theo giá gốc.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

d) Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại giá trị tài sản tài chính theo các nguyên tắc sau:

Việc đánh giá lại các TSTC FVTPL và AFS theo giá thị trường và giá hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với qui định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy, đình chỉ hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Công ty không đánh giá lại đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) nếu không có báo giá của ba (03) công ty chứng khoán hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày cuối kỳ kế toán

Đối với trái phiếu niêm yết giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính (tiếp theo)

Đối với tiền gửi có kỳ hạn cố định: Trong trường hợp có khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro thì được đánh giá lại theo giá trị có thể thu hồi được (đã tính tới các khoản bảo hiểm tiền gửi có thể được nhận theo quy định của pháp luật về ngân hàng).

Đối với khoản đầu tư cho vay: Công ty nhận tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay bằng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS hoặc cho vay bằng tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán. Cuối kỳ kế toán, Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản thế chấp theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Dự phòng cho các khoản cho vay được tính bằng chênh lệch giữa giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của các tài sản nhận thế chấp và giá trị khoản cho vay tại thời điểm báo cáo.

Đối với các TSTC FVTPL chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ."
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ."

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá tình hình suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính sau: Tài sản tài chính HTM, tài sản tài chính AFS và các khoản cho vay.

Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

Đối với tài sản tài chính HTM: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Phần lãi/lỗ.

Đối với các tài sản tài chính AFS: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Đối với tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay được tự do mua, bán trên thị trường chứng khoán, tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy giá trị tài sản thuần có thể thực hiện được tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán thì Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá chi tiết theo từng loại tài sản nhận thế chấp dựa theo mức chênh lệch giảm giữa giá trị tài sản thế chấp và giá trị khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) và bất động sản đầu tư:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng như TSCĐ, bất động sản đầu tư gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc của cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>26 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>3 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 năm</i>
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>3 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>3 năm</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược được theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Khi lập báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ phải trả lại bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

Trường hợp nhận thế chấp, cầm cố bằng hiện vật thì không được phản ánh trên báo cáo tình hình tài chính mà được theo dõi trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu " Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào "Chi phí quản lý" trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản phải trả người bán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty, đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra hoặc chênh lệch tăng do đánh giá lại vào cuối kỳ theo giá trị hợp lý, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành. Cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán: Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện và có biên bản quyết toán với tổ chức phát hành chứng khoán. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí lãi vay, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

513041
HI NH
NG TY
TIEM T
HICH VU
00RE
TRUNG

P.
C
CHU
HI
AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động pha loãng đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

- 002
ÁNH
TNH
OÁN
TIN H
AISC
- TP
8 :
ÔP
Ô
: NC
A
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền	1.646.744.240	5.935.438.816
Tiền mặt	254.863.192	270.816.592
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.391.881.048	5.664.622.224
Các khoản tương đương tiền	35.500.000.000	35.629.709.589
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	35.500.000.000	35.629.709.589
Cộng	37.146.744.240	41.565.148.405

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội có lãi suất 4,78% - 5%/năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ này	
	Khối lượng giao dịch trong năm	Giá trị giao dịch trong năm
Của nhà đầu tư	3.211.567	39.471.981.711
- Cổ phiếu	3.211.567	39.471.981.711
Cộng	3.211.567	39.471.981.711

3. Các loại tài sản tài chính

Chỉ tiêu	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
3.1 Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	6.227.155.602	4.834.002.400	6.227.155.602	3.646.371.340
HHS	6.194.968.522	4.784.302.000	6.194.968.522	3.603.240.000
VMD	23.621.000	28.740.000	23.621.000	25.080.000
Các cổ phiếu khác	8.566.080	20.960.400	8.566.080	18.051.340
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	2.514.780	462.400	2.514.780	438.680
Cộng	6.229.670.382	4.834.464.800	6.229.670.382	3.646.810.020
3.2 Tài sản HTM			30/06/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng (*)			243.985.000.000	236.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (**)			60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng			303.985.000.000	296.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội kỳ hạn 12 tháng lãi suất 6,3-7,7%/năm

(**) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội kỳ hạn trên 12 tháng lãi suất 9,4%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

STT	Chỉ tiêu	30/06/2023					01/01/2023				
		Giá mua	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	Tài sản FVTPL	6.229.670.382	4.834.464.800	-	1.395.205.582	4.834.464.800	6.229.670.382	3.646.810.020	-	2.582.860.362	3.646.810.020
1	+ Cổ phiếu niêm yết	6.227.155.602	4.834.002.400		1.393.153.202	4.834.002.400	6.227.155.602	3.646.371.340		2.580.784.262	3.646.371.340
2	+ Cổ phiếu chưa niêm yết	2.514.780	462.400	-	2.052.380	462.400	2.514.780	438.680		2.076.100	438.680
3	+ Trái phiếu chưa niêm yết		-	-		-				-	-
4	+ Cổ phiếu hủy niêm yết, ngừng giao dịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	+ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản AFS										
II	Tài sản HTM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cho vay Margin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cộng	6.229.670.382	4.834.464.800	-	1.395.205.582	4.834.464.800	6.229.670.382	3.646.810.020	-	2.582.860.362	3.646.810.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Các khoản phải thu**a. Ngắn hạn**

Phải thu Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex (*)

Phải thu Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình (**)

Phải thu khác

Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	6.072.007.703	3.210.618.289
	5.080.740.621	2.234.508.241
	976.110.048	976.110.048
	15.157.034	-
	6.072.007.703	3.210.618.289

b Phải thu với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex

Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình

Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	6.056.850.669	3.210.618.289
	5.080.740.621	2.234.508.241
	976.110.048	976.110.048
	6.056.850.669	3.210.618.289

(*) Khoản phải thu từ thu nhập cho thuê tài sản hợp tác với Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex theo thuyết minh Mục V.14 và thuyết minh số VI.1.3

(**) Tiền khấu hao phải thu của Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình theo biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2015 (chi tiết theo Thuyết minh Mục V.14).

6. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính**Ngắn hạn**

Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận

Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	6.535.167.559	3.628.156.433
	6.535.167.559	3.628.156.433
	6.535.167.559	3.628.156.433

7. Trả trước cho người bán**Ngắn hạn**

Công ty CP Sơn PT Hà Nội

Công ty CP Quốc tế Hoàng Hưng (*)

Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	50.272.500	700.000.000
	50.272.500	700.000.000
	50.272.500	700.000.000

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí thuê kênh

Chi phí bảo trì phần mềm

Phí nền tảng Oracle

Chi phí khác (bảo hiểm cháy nổ, thẻ quà tặng)

b. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

Chi phí chứng thư số, mua tên miền web

Chi phí cải tạo, nội thất văn phòng, sân vườn

Cộng

	30/06/2023	01/01/2023
	920.108.927	1.737.496.127
	22.440.000	89.760.000
	380.175.000	380.175.000
	265.490.281	1.061.961.127
	252.003.646	205.600.000
	1.443.681.485	52.618.241
	25.633.329	21.796.240
	20.548.001	30.822.001
	1.397.500.155	-
	2.363.790.412	1.790.114.368

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	30/06/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	166.110.000	-
Văn phòng Hà Nội		
Đặt cọc thuê văn phòng (*)	166.110.000	-
Cộng	166.110.000	-
b. Cầm cố với bên liên quan		
Công ty TNHH Thế hệ trẻ	166.110.000	-
Cộng	166.110.000	-

(*) Tiền đặt cọc theo hợp đồng số 01/2023/HĐCT/THT-HBS ngày 01/01/2023 giữa Công ty với Công ty TNHH Thế hệ trẻ về việc thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà số 46 - 48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng diện tích thuê văn là 200 m2 mặt bằng tầng 7 tại tòa nhà số 46 - 48 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Thời gian thuê 10 năm (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2032). Tiền đặt cọc không được coi là số tiền thuê mặt bằng, số tiền này sẽ được hoàn trả khi hợp đồng thuê văn phòng chấm dứt.

10. Các khoản đầu tư dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.940.000.000	(1.899.337.368)	2.940.000.000	(1.899.337.368)
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình (**)	2.940.000.000	(1.899.337.368)	2.940.000.000	(1.899.337.368)
Đầu tư dài hạn khác	5.436.160.000	(804.603.734)	5.436.160.000	(814.256.546)
Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế (*)	5.436.160.000	(804.603.734)	5.436.160.000	(814.256.546)
Cộng	8.376.160.000	(2.703.941.102)	8.376.160.000	(2.713.593.914)

- Thuyết minh chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế (*)	TP.Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý đầu tư chứng khoán
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình (**)	TP.Hồ Chí Minh	49%	49,00%	Bất động sản

(*) Trong năm 2022 Công ty có chuyển tiền đầu tư vào Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế với số tiền là 2.480.000.000 đồng, tuy nhiên lần tăng vốn này Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế chưa được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

(**) Công ty xác định tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết theo tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 30/6/2023 tại Công ty TNHH BĐS Vimedimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế TNDN hoãn lại phải trả		30/06/2023	01/01/2023	
a. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		957.847.066	1.195.378.022	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		957.847.066	1.195.378.022	
Cộng		957.847.066	1.195.378.022	
12. Tài sản cố định hữu hình				
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
Số dư cuối kỳ	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	15.448.572.207	1.668.011.901	1.243.905.899	18.360.490.007
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	<i>11.793.600</i>	<i>11.793.600</i>
Số dư cuối kỳ	15.448.572.207	1.668.011.901	1.255.699.499	18.372.283.607
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	-	70.761.600	70.761.600
Số dư cuối kỳ	-	-	58.968.000	58.968.000

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.360.490.007 VND

13. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
Số dư cuối kỳ	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.204.931.094	686.721.487	15.891.652.581
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>884.166.667</i>	<i>18.333.335</i>	<i>902.500.002</i>
Số dư cuối kỳ	16.089.097.761	705.054.822	16.794.152.583
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.857.430.556	100.833.333	4.958.263.889
Số dư cuối kỳ	3.973.263.889	82.499.998	4.055.763.887

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.434.916.470 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Nhà và Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Số dư cuối kỳ	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	18.803.428.994	25.330.275.788	44.133.704.782
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	976.110.048	-	976.110.048
Số dư cuối kỳ	19.779.539.042	25.330.275.788	45.109.814.830
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	32.735.181.348	-	32.735.181.348
Số dư cuối kỳ	31.759.071.300	-	31.759.071.300

* Bất động sản đầu tư là một phần của Tòa cao ốc Văn phòng Vimedimex tại số 246 Công Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP.HCM. Đây là tài sản hình thành từ hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc Văn phòng Vimedimex số 022/2009/HD-VM-HBS giữa Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình và Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex. Lợi nhuận thu được từ hợp đồng góp vốn này được phân chia tương ứng với tỷ lệ góp vốn của mỗi bên (Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex hưởng 48% và Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình hưởng 52%). Ngoài ra, hợp đồng này được ký trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 (đã được thay thế bởi Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020) của Bộ tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán có hiệu lực.

* Theo biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình - đơn vị được Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex giao quản lý tòa cao ốc văn phòng Vimedimex, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty TNHH Vimedimex Hòa Bình sẽ hoàn trả số tiền khấu hao bất động sản đối với phần sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình hàng kỳ theo số thông báo của Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình. Trong năm 6 tháng đầu năm 2023, số khấu hao Công ty TNHH Vimedimex phải trả cho Công ty là 976.110.048 đồng.

15. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.672.929.520	5.672.929.520
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.586.556.909	4.586.556.909
Cộng	10.379.486.429	10.379.486.429

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			30/06/2023	01/01/2023
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán			3.755.893	16.867.980
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán			13.407.447	29.279.756
Cộng			17.163.340	46.147.736
17. Phải trả người bán	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	379.398.859	379.398.859	221.620.000	221.620.000
Công ty CP Kỹ thuật Tong Yang	218.380.000	218.380.000	218.380.000	218.380.000
Công ty CP Quốc tế Hoàng Hưng	161.018.859	161.018.859	-	-
Phải trả người bán khác	-	-	3.240.000	3.240.000
Cộng	379.398.859	379.398.859	221.620.000	221.620.000
18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
	01/01/2023			30/06/2023
a. Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.569.027.174	2.023.971.013	2.347.192.820	1.245.805.367
Thuế thu nhập cá nhân	65.408.483	91.655.456	147.611.545	9.452.394
Cộng	1.634.435.657	2.115.626.469	2.494.804.365	1.255.257.761
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	140.296.324	137.459.741	-	2.836.583
Cộng	140.296.324	137.459.741	-	2.836.583
19. Chi phí phải trả			30/06/2023	01/01/2023
Ngắn hạn			95.113.833	160.254.052
Hoa hồng môi giới			8.491.325	5.554.052
Cước viễn thông			32.622.508	70.000.000
Các chi phí phải trả khác			54.000.000	84.700.000
Cộng			95.113.833	160.254.052

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016
của Bộ Tài chính)

20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	329.999.800.000	4.585.701.311	4.585.701.311	58.337.744.036	397.508.946.658
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	405.639.457	405.639.457	(1.014.098.642)	(202.819.728)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.152.174.710	2.152.174.710
Số dư tại 30/6/2022	329.999.800.000	4.991.340.768	4.991.340.768	59.475.820.104	399.458.301.640
Số dư tại 01/01/2023	329.999.800.000	4.991.340.768	4.991.340.768	62.184.034.784	402.166.516.320
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.046.095.474	9.046.095.474
Số dư tại 30/6/2023	329.999.800.000	4.991.340.768	4.991.340.768	71.230.130.258	411.212.611.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp tại		
	30/6/2023	30/06/2023	01/01/2023
Ông Lê Duy Phúc	13,03%	43.000.000.000	43.000.000.000
Ông Phạm Ngọc Quân	24,24%	80.000.100.000	80.000.100.000
Ông Nguyễn Anh Đức	17,58%	58.000.000.000	58.000.000.000
Ông Lê Đình Dương	15,15%	50.007.000.000	50.007.000.000
Các cổ đông khác	30,00%	98.992.700.000	98.992.700.000
Cộng	100,00%	329.999.800.000	329.999.800.000
b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Kỳ này	Kỳ trước
Vốn góp của chủ sở hữu		329.999.800.000	329.999.800.000
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>		329.999.800.000	329.999.800.000
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>		329.999.800.000	329.999.800.000
c. Cổ phiếu		Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		32.999.980	32.999.980
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		32.999.980	32.999.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		32.999.980	32.999.980
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		32.999.980	32.999.980
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	Kỳ này	Kỳ trước
1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	64.773.744.520	54.942.883.660
2. Lãi (lỗ) chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	(1.402.054.956)	(615.670.546)
3. Lãi (lỗ) đã thực hiện phát sinh trong kỳ	7.858.440.694	6.162.705.632
4. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	(1.014.098.642)
<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	-	(405.639.457)
<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>	-	(405.639.457)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(202.819.728)
5. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	(1.014.098.642)
Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ	<u>71.230.130.258</u>	<u>59.475.820.104</u>
22. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Cổ phiếu	32.999.980	32.999.980
	<u>32.999.980</u>	<u>32.999.980</u>
23. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	10.029.780.000	10.137.130.000
Cộng	<u>10.029.780.000</u>	<u>10.137.130.000</u>
24. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Cổ phiếu	5.420.000.000	5.420.000.000
Cộng	<u>5.420.000.000</u>	<u>5.420.000.000</u>
25. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	414.146.020.000	419.282.190.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	142.000.000	47.000.000
Cộng	<u>414.288.020.000</u>	<u>419.329.190.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	45.180.000	445.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	<u>71.526.170.000</u>	<u>72.560.170.000</u>
Cộng	<u>71.571.350.000</u>	<u>73.005.730.000</u>

27. Tiền gửi của khách hàng

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.499.602.756	4.095.564.629
Cộng	<u>5.499.602.756</u>	<u>4.095.564.629</u>

28. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.499.602.756	4.095.564.629
Cộng	<u>5.499.602.756</u>	<u>4.095.564.629</u>

22-C
 H.HH
 N
 V.HQ
 SC
 TP.H

 Y.T.C
 N
 ĐÁNH
 H.H
 TP.HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**1. Thu nhập****1.1 Bảng tổng hợp lãi lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết					-	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết				-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	-	-
	Cộng (*)	-	-	-	-	-	-

Lãi lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi bán các tài sản tài chính	-	4.193.100.472
Lỗ bán các tài sản tài chính	-	-
Cộng	-	4.193.100.472

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.2 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức và tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	87.600	103.050
Tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL	87.600	103.050
Từ tài sản tài chính HTM	11.069.626.273	301.068.493
Lãi từ các khoản cho vay	-	2.735.960.908
Lãi từ cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán		2.735.960.908
Cộng	11.069.713.873	3.037.132.451

1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động môi giới	146.777.146	3.434.805.672
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	-	-
Doanh thu cho thuê tài sản (*)	5.080.740.620	2.209.466.369
Cộng	5.227.517.766	5.644.272.041

(*) Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng Cao ốc văn phòng Vimedimex giữa Công ty và Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex, được ghi nhận theo thông báo hàng kỳ của Vimedimex (Thuyết minh V.15)

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu lãi tiền gửi	1.772.947.636	2.105.050.174
Cộng	1.772.947.636	2.105.050.174

3. Chi phí môi giới chứng khoán

	Kỳ này	Kỳ trước
Phí giao dịch, phí lưu ký, hoa hồng môi giới	2.397.852.681	3.606.816.212
Cộng	2.397.852.681	3.606.816.212

4. Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.204.887	134.643.786
Cộng	127.204.887	134.643.786

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị khoản đầu tư	(9.652.812)	55.658.239
Cộng	(9.652.812)	55.658.239

6. Chi phí quản lý

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.159.295.128	3.082.158.741
Chi phí vật tư văn phòng	6.867.052	14.876.714
Chi phí công cụ, dụng cụ	25.162.906	39.855.830
Chi phí thuế, phí và lệ phí	17.848.806	106.349.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.886.966.835	681.111.118
Chi phí khác	341.269.122	557.361.905
Cộng	5.437.409.849	4.481.713.353

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
7. Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	2.587.993	-
Cộng	2.587.993	-
8. Chi phí khác		
Chi phí phạt hành chính và phạt nộp chậm	10.000	-
Cộng	10.000	-
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
LN trước thuế	11.307.597.443	2.690.192.626
Các khoản điều chỉnh tăng	-	4.010.530.922
<i>Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL</i>	-	4.010.530.922
Các khoản điều chỉnh giảm	1.187.742.380	103.050
<i>Cổ tức được chia</i>	87.600	103.050
<i>Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL</i>	1.187.654.780	
Lợi nhuận tính thuế	10.119.855.063	6.700.620.498
- Chi phí thuế thu nhập theo thuế suất phổ thông	2.023.971.013	1.340.124.100
- Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.023.971.013	1.340.124.100
b. Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại	-	-
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	1.187.654.780	(4.010.530.922)
<i>Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế</i>	237.530.956	(802.106.184)
Cộng	237.530.956	(802.106.184)
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.046.095.474	2.152.174.710
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.046.095.474	2.152.174.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	274	65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro chính từ các công cụ tài chính, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi. Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Kỳ này		
VND	+100	371.467.442
	-100	(371.467.442)
Kỳ trước		
VND	+100	415.651.484
	-100	(415.651.484)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30/6/2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	379.398.859	-	-	379.398.859
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17.163.340	-	-	17.163.340
Chi phí phải trả	95.113.833	-	-	95.113.833
Cộng	491.676.032	-	-	491.676.032
Ngày 01/01/2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	221.620.000	-	-	221.620.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	46.147.736	-	-	46.147.736
Chi phí phải trả	160.254.052	-	-	160.254.052
Cộng	428.021.788	-	-	428.021.788

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của Bên thứ ba tại ngày 31/12/2022 và 30/6/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2023		01/01/2023		30/06/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	37.146.744.240	-	41.565.148.405	-	37.146.744.240	41.565.148.405
- Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính thông qua Báo cáo KQHĐ	4.834.464.800	-	3.646.810.020	-	4.834.464.800	3.646.810.020
- Phải thu khách hàng	6.535.167.559	-	3.628.156.433	-	6.535.167.559	3.628.156.433
- Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	6.072.007.703	-	3.210.618.289	-	6.072.007.703	3.210.618.289
TỔNG CỘNG	358.573.384.302	-	348.050.733.147	-	358.573.384.302	348.050.733.147
Nợ phải trả tài chính						
- Các khoản vay và nợ	-	-	-	-	-	-
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17.163.340	-	46.147.736	-	17.163.340	46.147.736
- Phải trả người bán	379.398.859	-	221.620.000	-	379.398.859	221.620.000
- Chi phí phải trả	95.113.833	-	160.254.052	-	95.113.833	160.254.052
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	491.676.032	-	428.021.788	-	491.676.032	428.021.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành hoặc được xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định thì giá trị hợp lý của các công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt ngoài thù lao và lương thưởng trong kỳ.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)**+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Lê Đình Dương	Phó Chủ tịch HĐQT	121.040.000	-
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên HĐQT	-	329.200.000
Ông Phạm Hồng Vương	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	-	187.300.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	423.000.000	-
Ông Phan Sỹ Hải	Tổng Giám đốc	-	135.700.000
Bà Nguyễn Hà Hải Như	Phó Tổng Giám đốc	-	194.400.000
Cộng		544.040.000	846.600.000

3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Công ty CP Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ cho thuê tài sản	5.080.740.620	2.209.466.369
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Công ty liên doanh, liên kết	Nhận tiền khấu hao	976.110.048	976.110.048
Công ty TNHH Thế hệ trẻ	Cùng chủ tịch HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	1.238.706.000	262.500.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2023

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
Phải thu khác			
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Công ty liên doanh, liên kết	976.110.048	976.110.048
Công ty CP Y Dược Phẩm Vimedimex	Cùng chủ tịch HĐQT	5.080.740.621	2.234.508.241
Cầm cố, ký quỹ ký cược			
Công ty TNHH Thế hệ trẻ	Cùng chủ tịch HĐQT	166.110.000	-
Đầu tư dài hạn			
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Công ty liên doanh, liên kết	2.940.000.000	2.940.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế	Công ty nhận đầu tư	5.436.160.000	5.436.160.000

Tại 30/6/2023, Công ty không còn số dư với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, tòa nhà số 46-48 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC, số liệu so sánh cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thu Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Dung

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đình Thế Lợi